

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2023/HS-PT
Ngày: 13- 9-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Ngọt

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Hữu Tài- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 62/2023/TLPT-HS ngày 04 tháng 8 năm 2023 đối với các bị cáo **Nguyễn Minh T**, **Ngụy L**, **Nguyễn Thanh T1**, **Nguyễn Hữu Hoàng H** do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2023/HS-ST ngày 28-6-2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

Bị cáo bị kháng nghị:

1. **Nguyễn Minh T**, sinh năm: 2000 tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: **Ấp F, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai**; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 08/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông: **Nguyễn Văn T2** và bà **Trần Thị Thanh T3**; Bị cáo đang sống chung như vợ chồng với chị **Phạm Thị Kim L**; có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2019, nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án: Không; Tiền sự: có 02 tiền sự: Ngày 08/02/2021, bị **Công an xã P, huyện B** xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số 14/QĐ-XPHC; Ngày 22/3/2021, bị **Công an xã Đ, huyện B** xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.000.000 đồng, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số 17/QĐ-XPHC, tại phiên Tòa phúc thẩm bị cáo cung cấp việc nộp phạt đối với hai quyết định trên cùng ngày 09/6/2023; bị tạm giam từ ngày 02/11/2022 cho đến nay, có mặt.

2. **Ngụy Lữ Đăng K**, sinh năm: 2003 tại tỉnh Bến Tre; nơi thường trú: **ấp A, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre**; nơi cư trú: **ấp T, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre**; Nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 08/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam;

tôn giáo: không; con ông: **Nguy Ngọc H** và bà **Lữ Thị Mỹ L1**; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 09/3/2023 cho đến nay, có mặt.

3. Nguyễn Thanh T1, sinh năm: 2000 tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: **ấp G, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre**; Nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông: **Nguyễn Thanh H1** và bà **Võ Trần Bích P**; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 09/3/2023 cho đến nay, có mặt.

4. Nguyễn Hữu Hoàng H, sinh năm: 2001 tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: **ấp T, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre**; Nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 08/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông: **Nguyễn Hữu Hoàng H2** và bà **Hồ Thị Thanh T4**; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 09/3/2023 cho đến nay, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo **Nguyễn Minh T**: Bà **Nguyễn Thị Diễm C** – Luật sư **Đoàn luật sư tỉnh B**, có mặt;

- Người bào chữa cho bị cáo **Nguy Lữ Đăng K1**: Ông **Nguyễn Đức D** – Luật sư **Đoàn luật sư tỉnh B**, có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 19/8/2022, **Nguyễn Minh T** có cự cãi, xô xát nhau với anh **Lê Hoài P1** và được mọi người can ngăn ai về nhà nấy. Nhưng **T** vẫn còn thù tức đối với anh **P1**, nên khoảng 13 giờ ngày 20/8/2022, **T** gọi điện thoại cho **Nguy Lữ Đăng K1**, **Nguyễn Thanh T1** thông qua ứng dụng **M** và hẹn gặp tại **quán G**, thuộc **ấp G, xã P, huyện B**. Được **T** rủ thì **T1** điều khiển xe mô tô loại Wave S, màu đỏ đen (không rõ biển số) rước **K1** đến quán. Tại đây, **T** kể mâu thuẫn giữa **T** với **P1**, rồi rủ **K1**, **T1** đi xuống chỗ làm của **P1** để đánh **P1**. **K1**, **T1** đồng ý đi. **T** tiếp tục gọi điện thoại cho **Nguyễn Hữu Hoàng H** rủ lại quán **Điểm H3**. Khi Hội đồng ý, lập tức **T** điều khiển xe mô tô biển số 71C1 - 619.20 đến rước Hội lại quán. Vừa vào quán, **T** liền nói với **K1**, **T1** là **T** chở **H** đi lấy đồ, nên hẹn gặp **K1**, **T1** tại ngã tư **G**. Nghe vậy, **K1** kêu **T1** chở **K1** về nhà lấy áo khoác, đồng thời **K1** tự lấy 01 con dao dài 53cm, cán bằng gỗ được quán băng keo màu đen dài 22cm, lưỡi dao bằng sắt màu đen có chiều dài 31cm, giấu vào trong áo khoác rồi cùng **T1** đến ngã tư **G** đợi **Thôn G**. Còn **T** chở **H** đến quán nước của anh **Nguyễn Thanh T5 (Cu A)** lấy 01 con dao tự chế dài khoảng 01 mét mà **T** đã giấu trước đó, khi điều khiển xe chạy được một đoạn thì **T** dừng lại lấy con dao để lên trên yên xe, rồi cùng với **H** ngồi lên con dao. Lúc này **H** có hỏi lấy dao đi đâu, thì **T** kể mâu thuẫn giữa **T** với **P1** cho **H** nghe, rồi nói đi kiếm **P1** đánh dần mặt thì Hội đồng ý đi. Đến ngã tư **G** thì gặp **K1**, **T1** đang đợi. Sau đó cả bốn người đi trên 02 xe mô tô, **T** chở Hội, **T1** chở **K1** cùng đi kiếm **P1**, trên đường đi Triều cũng nhìn thấy con dao trên xe của **T**. Do lúc đi không gặp **P1** nên cả nhóm quay về. Khoảng 14 giờ 20 phút, trên đường về đến trước cửa **đại lý thức ăn tôm P2**, thuộc **ấp D, xã B**, thì **T** thấy **P1** đang chạy xe ngược chiều ghé vào **đại lý thức ăn tôm P2** nên **T** dừng xe lại, **T1** chạy phía trước nghe có tiếng kêu nên cũng dừng lại. Khi **T1** dừng xe thì **K1** bước xuống xe, lấy

dao trong áo khoác ra, đi lại chỗ **P1** đứng, dùng dao chém 02 nhát vào vùng lưng bên trái và vùng cánh tay phải của **P1**, **T** đứng trước mặt **P1** dùng hai tay cầm dao tự chế chém ngang một cái vào tay trái của **P1** làm cho bàn tay trái đứt lìa, rớt xuống mặt đường Quốc lộ 57B. Sau đó cả nhóm lên xe bỏ đi, trên đường đi ngang qua cầu **C** thuộc ấp **C**, xã **Đ**, **T** vứt bỏ dao tự chế xuống sông, rồi cùng nhau bỏ trốn lên **TP**., tại đây **T**, **T1**, **K1**, **H** đã bán 02 xe mô tô cùng điện thoại di động để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Đến ngày 24/8/2022 thì tất cả cùng về trình diện. Anh **Lê Hoài P1** bị nhiều vết thương, cụ thể: Vết thương rách da lưng bên trái; Vết thương rách da cánh tay phải; Vết thương đứt lìa cổ tay trái được người thân đưa đi điều trị tại **Bệnh viện C1**.

* Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) con dao cán bằng gỗ được quấn băng keo màu đen, lưỡi dao bằng sắt màu đen có chiều dài 53cm (cán dao dài 22cm, lưỡi dao dài 31cm) do **Ngụy Lữ Đăng K** giao nộp;

- 01 (một) xe mô tô, loại xe dream, màu nâu, không biển số, số máy VMES1254141, không có số khung.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 292-1022/TgT ngày 20/10/2022 của **Trung tâm pháp y tỉnh B** xác định tỷ lệ phần trăm thương tích của **Lê Hoài P1** như sau: Sẹo vết thương vùng lưng bên trái là 02% (Hai phần trăm); Sẹo vết thương vùng cánh tay phải là 02% (Hai phần trăm); Đứt lìa cổ tay trái đã phẫu thuật là 49% (Bốn mươi chín phần trăm).

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của **Bộ Y** quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y và giám định pháp y tâm thần. Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của **Lê Hoài P1** do thương tích tại thời điểm giám định là 51% (năm mươi một phần trăm). Thương tích trên cơ thể của **Lê Hoài P1** là do vật sắc - nhọn gây ra.

Đối với hung khí là con dao tự chế Thông sử dụng chém **P1**, xe mô tô loại Wave S màu đỏ đen (không rõ biển số) là xe của **T1**, xe mô tô biển số 71C1 - 619.20 là xe của **T**, cùng các điện thoại di động các bị cáo dùng liên lạc, đều không thu giữ được.

Đối với chiếc xe mô tô, không biển số, loại xe dream, màu nâu, số máy VMES1254141, không có số khung, **Lê Hoài P1** dùng chở thức ăn tôm, là xe của ông **Trần Văn H4**, sinh năm 1964, nơi cư trú ấp **B**, xã **Đ**, huyện **B** làm chủ. Ngày 25/11/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện B** đã trao trả cho ông **H4** để quản lý, sử dụng.

Trong quá trình điều tra, bị hại **P1** yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường thiệt hại cho anh do sức khỏe bị xâm phạm đến ngày 08/3/2023 với tổng số tiền là 191.743.897 đồng.

Các bị cáo **Nguyễn Minh T**, **Ngụy L**, **Nguyễn Thanh T1**, **Nguyễn Hữu H5** Hội đồng ý theo yêu cầu bồi thường của bị hại. Trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, gia đình bị cáo **K** đã bồi thường số tiền 40.000.000 đồng, gia đình bị cáo **T** đã bồi thường số tiền 24.000.000 đồng, bị cáo **T1** đã bồi thường số tiền 22.000.000 đồng và gia đình bị cáo **H** đã bồi thường số tiền 3.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền các bị cáo đã bồi

thường là 89.000.000 đồng.

Bị hại **P1** yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường số tiền còn lại là 102.743.897 đồng. Ngoài ra, các chi phí khám, tập vật lý trị liệu, tái phẫu thuật từ sau ngày 08/3/2023 anh **P1** sẽ tiếp tục yêu cầu sau.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2023/HS-ST ngày 28/6/2023 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 29/TB-TA ngày 18/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Minh T**, **Nguy L**, **Nguyễn Thanh T1**, **Nguyễn Hữu H5** Hội phạm “Tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm c khoản 3 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh T** 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo tạm giam (Ngày 02/11/2022).

Áp dụng điểm c khoản 3 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, khoản 1 Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguy Lữ Đăng K1** 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo tạm giam (Ngày 09/3/2023).

Áp dụng điểm c khoản 3 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, khoản 2 Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh T1** 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo tạm giam (Ngày 09/3/2023).

Áp dụng điểm c khoản 3 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, khoản 2 Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu H5** Hội 01(một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo tạm giam (Ngày 09/3/2023).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

Ngày 21/7/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 04/QĐ-VKS-P7 kháng nghị một phần Bản án sơ thẩm số 27/2023/HS-ST ngày 28/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại về hình phạt đối với các bị cáo **Nguyễn Minh T**, **Nguy Lữ Đăng K1**, **Nguyễn Thanh T1**, **Nguyễn Hữu Hoàng H**. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng sửa bản án sơ thẩm để tăng hình phạt tù đối với tất cả các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bị cáo khai nhận hành vi phù hợp nội dung Bản án sơ thẩm. Người bào chữa cho bị cáo **K1** cung cấp đơn của bị hại **P1** yêu cầu không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre; gia đình bị cáo **H** cung giấy giao tiền có bồi thường thêm cho bị hại 10.000.000 đồng sau khi xét xử sơ thẩm.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 04/QĐ-VKS-P7 ngày 21/7/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, sửa Bản án sơ thẩm:

Áp dụng điểm c khoản 3 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh T** từ 05 năm 06 tháng đến 07 năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm c khoản 3 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguy Lữ Đăng K1** từ 02 năm 06 tháng đến 04 năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm c khoản 3 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh T1** từ 02 năm đến 03 năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm c khoản 3 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu Hoàng H** từ 02 năm đến 03 năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo không tranh luận. Riêng bị cáo **H** cho rằng không giúp sức tích cực mà ngồi sau do **T** chở.

Người bào chữa cho bị cáo **T**, cho rằng về tội danh và điều luật truy tố đối với bị cáo không ý kiến. Về hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng hình phạt dưới khung, tuy bị cáo với vai trò chủ mưu nhưng bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ, thật thà khai báo, có bồi thường thiệt hại, bị hại **P1** yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có đến cơ quan điều tra để trình diện, bị cáo có con bị bệnh tim bẩm sinh có gắn máy trợ tim, hiện vợ của bị cáo đã bỏ đi, hai con của bị cáo do mẹ của bị cáo nuôi dưỡng, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 05 năm tù là phù hợp, kháng nghị tăng hình phạt tù đối với bị cáo là không cần thiết. Đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

Người bào chữa cho bị cáo **K1**, cho rằng tại phiên tòa phúc thẩm thể hiện giữa bị cáo và bị hại có mâu thuẫn trước dẫn đến bị cáo **T** cùng đồng phạm đi đánh lại, bị hại có đánh bị cáo **T** trước đó là có một phần lỗi, bị cáo **K1** có tự giác đến Cơ quan

điều tra để đầu thú và tự nguyện ở nhà để điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo và khai ra đồng phạm khác thuộc tình tiết giảm nhẹ tích cực hợp tác để điều tra (theo điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự); bị hại có đơn có đơn yêu cầu giảm hình phạt cho bị cáo, bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, hình phạt đối với bị cáo là trong khung liền kề, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là không có căn cứ. Đề không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo **T** cho rằng việc làm của bị cáo là nguy hiểm, yêu cầu giữ nguyên mức án;

Bị cáo **K1** yêu cầu giữ y mức án, thấy ăn năn hối cải;

Bị cáo **T1**, yêu cầu giữ y án sơ thẩm;

Bị cáo Hội, thấy ăn năn hối hận, yêu cầu giữ nguyên mức hình phạt, hiện hoàn cảnh khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo và bị hại làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Lời khai của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ của vụ án, có cơ sở xác định: Xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ nhất, bị cáo **Nguyễn Minh T** đã rủ các bị cáo **Ngụy Lữ Đăng K1**, **Nguyễn Thanh T1**, **Nguyễn Hữu H5** Hội đi tìm anh **Lê Hoài P1** để đánh và được sự thống nhất của cả nhóm, trong đó bị cáo **T** chở bị cáo **H**, bị cáo **T1** chở bị cáo **K1**. Trên đường đi tìm anh **P1** đến 14 giờ 20 phút ngày 20/8/2022, tại **Quốc lộ E thuộc ấp D C, xã B** (trước **đại lý thức ăn P2**), thì cả nhóm gặp anh **P1**. Lúc này, bị cáo **K1** sử dụng 01 con dao dài 53cm, cán bằng gỗ được quấn băng keo màu đen dài 22cm, lưỡi dao bằng sắt màu đen có chiều dài 31cm, chém 02 nhát vào vùng lưng bên trái và vùng cánh tay phải của **P1**, sau đó bị cáo **Thông** sử dụng 01 con dao tự chế dài khoảng 01 mét chém đứt bàn tay trái của **P1**, gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 51% dưới sự hỗ trợ, giúp sức của bị cáo **T1** và bị cáo **H**.

Với ý thức, hành vi và hậu quả mà các bị cáo đã gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Minh T**, **Ngụy Lữ Đăng K**, **Nguyễn Thanh T1**, **Nguyễn Hữu H5** Hội phạm “Tội cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản

3 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 134 là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre kháng nghị về hình phạt tù đối với các bị cáo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt đã xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng; Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, bị cáo **Nguyễn Thanh T1** có bà có tên **Nguyễn Thị Đ** được Nhà nước tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”, ông nội tên **Nguyễn Văn M1** được Chính phủ tặng Huy chương hạng II trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước; bị cáo **Nguyễn Hữu Hoàng H** gia đình có hoàn cảnh khó khăn; bị cáo **Nguyễn Minh T** đang nuôi con nhỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Người bào chữa cho bị cáo **K** đưa ra tình tiết, bị cáo **K** có thêm tình tiết giảm nhẹ là đầu thú và tích cực hợp tác với cơ quan điều tra, thấy rằng vụ án được tiếp nhận nguồn tin tội phạm từ người làm chứng và qua xác minh nơi cư trú của **K** thì **Nguyễn Lữ Đăng K** đã rời nơi cư trú, việc bị cáo đầu thú hồ sơ không thể hiện, nên các tình tiết này không phù hợp để áp dụng cho bị cáo **K**.

Xét mức hình phạt đối với các bị cáo:

Đối với bị cáo **T**, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt 05 năm tù là trong khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố, về hoàn cảnh bị cáo có hai con còn nhỏ, vợ đã bỏ đi, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng, mức hình phạt 05 năm tù đối với bị cáo là phù hợp nên được giữ nguyên.

Đối bị cáo **K**, giai đoạn phúc thẩm bị hại cho rằng nhận đủ số tiền bồi thường mà bản án sơ thẩm tuyên, bị hại yêu cầu không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo **K**, mức hình phạt đối với bị cáo **K** là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, thương tích do bị cáo gây ra đối với bị hại thấp, hình phạt 02 năm tù là phù hợp nên được giữ nguyên;

Đối với bị cáo **T1** và Hội các bị cáo bị rủ rê, không trực tiếp gây thương tích cho bị hại, nhưng đồng ý và bồi thường thiệt hại, sau khi xét xử sơ thẩm gia đình của bị cáo **H** có bồi thường thêm cho bị hại 10.000.000 đồng. Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, với vai trò đồng phạm và bị hại có yêu cầu giảm nhẹ

hình phạt cho các bị cáo nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt hai bị cáo **T1**, **H** cùng mức 01 năm tù là phù hợp, nên được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên có phần không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử; Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo **T** và bị cáo **K** (về hình phạt) phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

1.1. Căn cứ điểm c khoản 3 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh T** 05 (năm) năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày 02/11/2022.

1.2. Căn cứ điểm c khoản 3 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Ngụy Lữ Đăng Kh** 02 (hai) năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày 09/3/2023.

1.3. Căn cứ điểm c khoản 3 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 2 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh T1** 01 (một) năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày 09/3/2023.

1.4. Căn cứ điểm c khoản 3 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 2 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu Hoàng H** 01 (một) năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày 09/3/2023.

2. Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Bình Đại (12b);
- Công an và VKSND huyện Bình Đại (2b);
- Chi cục THADS huyện Bình Đại (1b);
- UBND xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai (1b);
- UBND xã Phú Long, huyện Bình Đại (1b);
- UBND xã Định Trung, huyện Bình Đại (1b);
- Bị cáo (4b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tỉnh